

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 25 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						316 584	47 077	269 507			
I		CẢNG CHÍNH						116 891	7 612	109 279			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						7 750	7 612	138			
1		ĐẠM NINH BÌNH	21/07	1099/07	31/07	NB 6695	CẨM 4A.1	4 000	3 902	98	24/07		MỎN:3.901,85
2		XD CN MỎ	18/07	1096/07	31/07	BN 2267	CỤC XỎ 1C	1 100	1 088	12	24/07		
3		KDT HẢI PHÒNG	24/07	1106/07		HP 5902	CẨM 5A.1	1 450	1 435	15	24/07		
4		CP TTC	24/07	1105/07		HN 2089	CỤC 4A.1	1 200	1 188	12	24/07	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						109 141		109 141			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT CỎ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
9		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
10		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
11		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT CỎ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
13		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
14		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
16		KDT CẦU ĐUÔNG	15/07	945/05	31/07	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 25 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
32		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
33		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
34		DV VT QUẢNG NINH	14/07	1081/07	31/07	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
35		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CẨM 6A.14	5 000		5 000			
36		KDT MIỀN BẮC		1020/06		STAR CITY	CẨM 5A.1	22 000		22 000		PTCB	TTCO: 22.000
37		DVVT QUẢNG NINH	23/07	1101/07		BN 2056	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
38		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/07	1104/7		QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800		22 800			
		Tàu chuyển tải						125 640	11 900	113 740			
		Tàu đang làm hàng						27 690	11 900	15 790			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/07	1086/7		PACIFCI 01	CẨM 6A.1	27 690	11 900	15 790	DỖ		TTHG:23.000 - KVCP:4.690
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						97 950		97 950			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/07	1090/07		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	40 700		40 700			TTCO: 20.700 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	23/07	1102/07		HẢI NAM 88	CẨM 6A.10	23 150		23 150			KDT CP:5.000 - CLM:11.000 - KVCP:7.150
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	23/07	1103/07		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5B.14	25 500		25 500			TTHG: 13.000 - KDT CP:12.500
		KHO G9-HÓA CHẤT						25 568	5 121	20 447			
		Tàu đã làm hàng						5 618	5 121	497			
1		CP HÀNG HẢI VN	18/7	687	31/7	BN - 1348	CỤC 1B	993	975	18	24/7	TD	
2		HẢI PHÒNG	24/7	806	31/7	HP - 4850	CẨM 7B	1 105	1 099	6	24/7	PT CB	
3		CP DVVT QNINH	24/7	807	31/7	BN - 1829	CẨM 8A	1 600	1 128	472	DỖ	TD	
4		HẢI PHÒNG	24/7	808	31/7	QN - 9379	CẨM 7B	1 920	1 919	2	24/7	PT CB	
		Tàu đã làm lệnh						19 950		19 950			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 25 THÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CUC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUÔNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
8		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
9		CẦU ĐUÔNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
10		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CUC 1B	1 280		1 280		TD	
11		CP ĐTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
12		CP ĐTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CUC 1B	910		910		TD	
13		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
14		CP VT&KD THAN	16/7	607	31/7	BN - 1816	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
15		CP DVVT QNINH	18/7	654	31/7	BN - 0979	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
16		CP VT THUỶ	24/7	785	31/7	BN - 1386	CUC 1C	1 000		1 000		TD	
17		CP ĐTM&DV	24/7	820	31/7	BN - 1997	CUC 1A	500		500		TD	
18		CP ĐTM&DV	24/7	820	31/7	BN - 1997	CUC 1B	500		500		TD	
19		CP ĐTM&DV	24/7	823	31/7	NB - 6487	CÁM 8A	1 030		1 030		TD	
20		SÔNG HỒNG	24/7	826	31/7	BN - 2112	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
III		<u>KHO BẢO NGUYÊN</u>						-					
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						20 685	3 691	16 994			
		Tàu đã làm hàng						4 845	3 691	1 154			
1		PACIFIC 01 (ĐIỆN VINH TÂN I)	23/7	54	03/8	SON HẢI 09	Cám 6a.1	2 045	2 040	5	24/7		
2		THAN MIỀN NAM	23/7	784	31/7	HOÀNG ANH 39	Cục 1b	2 800	1 651	1 149	DỠ		
		Tàu đã làm lệnh						15 840		15 840			
1		THAN MIỀN NAM	24/7	810	31/7	HOÀNG ANH 688	Cục 4a.2	1 940		1 940			
							Cám 5a.1	2 350		2 350			
2		CBT QUẢNG NINH	24/7	809	31/7	QN 7535	Cám 5b.1	11 550		11 550			
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						27 800	18 753	9 047			
		Tàu đã làm hàng						26 150	18 753	7 397			
1		NHẬT BÀN		4 090		MV MIA SAN	CÁM 3B.1	18 000	18 053	- 53	24/07		
2		THÁI LAN	15/7	4 073		MV ORIENTAL SEA	CUC 4A.3	2 400		2 400	DỠ		
							CUC 4B.3	2 600	700	1 900	DỠ		

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 25 THÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

